

Số: 1542 /VĐ-VTTBYT
V/v Yêu cầu báo giá TTBYT

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Thông tư 141/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở mua sắm thiết bị y tế với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, địa chỉ tại: Số 40 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: KS. Nguyễn Anh Đức, Phòng VT-TBYT, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, Số 40 – Tràng Thi – Hoàn Kiếm – Hà Nội, Số điện thoại: 035 635 4793.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư- Thiết bị y tế, Phòng 107, Tầng 1 nhà A2, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, địa chỉ tại: Số 40 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

- Nhận qua email:

vietduchospitalmuasam@gmail.com

phongvattu.bvhnvd@gmail.com

(Lưu ý: Các đơn vị phải gửi báo giá đồng thời theo hai hình thức trên. Đơn vị cung cấp báo giá qua email phải ghi rõ **Số hiệu văn bản YCBG** trong nội dung email)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 07 giờ 30 phút, ngày 18 tháng 3 năm 2026 đến trước 16 giờ 30 phút ngày 27 tháng 3 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét (chi tiết mẫu báo giá tại phụ lục 2 kèm công văn này).

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 27 tháng 3 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục thiết bị y tế:

Stt	Danh mục thiết bị y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
1.	Dụng cụ vi phẫu thuật	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo	1	Bộ
2.	Máy siêu âm Doppler mạch cầm tay	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo	01	Cái
3.	Kẹp mạch máu vi phẫu		150	Cái
3.1	Kẹp mạch máu vi phẫu – Kẹp đơn	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo	90	Cái
3.2	Kẹp mạch máu vi phẫu – Kẹp đôi	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo	60	Cái

• Ghi chú:

➤ Hàng hóa phải ghi rõ phần giá trị thuế VAT áp dụng cho sản phẩm.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Tối đa 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (bao gồm toàn bộ quá trình bàn giao, chạy thử, nghiệm thu hợp đồng).

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

4.1 Tạm ứng: Không;

4.2 Số lần thanh toán: 01 (một) lần

Bên Mua có nghĩa vụ thanh toán 100% toàn bộ giá trị của hợp đồng cho bên bán trong vòng 90 ngày kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu thiết bị, thanh lý hợp đồng và bên bán đã nộp bảo lãnh bảo hành bằng 3% giá trị hợp đồng theo hình thức bảo đảm của ngân hàng.

5. Các thông tin khác:

5.1. Yêu cầu Hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau:

- Đăng ký kinh doanh của đơn vị chào giá;
- Đối với hàng hóa là thiết bị y tế: cung cấp tài liệu chứng minh đủ điều kiện kinh doanh trang thiết bị y tế căn cứ theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về việc quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế, Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý thiết bị y tế đã được

sửa đổi, bổ sung một số điều theo nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của chính phủ, Thông tư 05/2022/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 01/8/2022 và các văn bản pháp luật khác liên quan còn hiệu lực;

- Báo giá (theo mẫu đính kèm).
- Catalog, cấu hình và tính năng kỹ thuật của thiết bị và các tài liệu khác liên quan đến thiết bị.
- Số điện thoại/ Email của đại diện đơn vị báo giá trong trường hợp Bệnh viện cần liên lạc.
- Hợp đồng mua bán thiết bị tương tự (nếu có).

5.2. Các quy định đối với báo giá:

- Báo giá có đầy đủ các nội dung, mẫu biểu theo đúng mẫu đính kèm trong yêu cầu báo giá.
- Báo giá phải được đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá ký và đóng dấu theo quy định.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VT-TBYT. *Hang*

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG VT-TBYT



Hoàng Bảo Anh

PHỤ LỤC 01. BẢNG MÔ TẢ

(Kèm theo công văn số: 1542 /VĐ-VTTBYT ngày 18 tháng 3 năm 2026)
Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật

1. Dụng cụ vi phẫu thuật

I YÊU CẦU CHUNG		
	- Năm sản xuất: 2025 trở đi	
	- Chất lượng:	
	+ Mới 100%	
	+ Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485	
	- Tất cả các dụng cụ phải được làm bằng thép không gỉ, tối thiểu bằng Inox 304 hoặc Titanium và hấp tiệt trùng được tại nhiệt độ 134 độ C, áp suất 2,2 bar.	
	- Các thông số kích thước, sai số $\pm \leq 10\%$	
II	YÊU CẦU CẤU HÌNH VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CƠ BẢN	Số lượng
	Dụng cụ vi phẫu thuật	: 1 Bộ
	Cấu hình gồm 09 mục:	
1	Kéo vi phẫu, thân tròn, mũi thẳng, chiều dài toàn bộ 150 mm, mũi kéo dài 10 mm	: 1 Cái
2	Kéo vi phẫu, thân tròn, mũi nhọn cong, chiều dài toàn bộ 150 mm, mũi kéo dài 10 mm	: 1 Cái
3	Kéo vi phẫu, thân tròn, mũi nhọn cong, chiều dài toàn bộ 180 mm, mũi kéo dài 14 mm	: 1 Cái
4	Forcep vi phẫu, thân dẹt, mũi thẳng, chiều dài toàn bộ 110 mm, đầu tip cỡ 0.3 mm	: 1 Cái
5	Forcep vi phẫu, thân dẹt, mũi thẳng, chiều dài toàn bộ 110 mm, đầu tip cỡ 0.1 mm	: 1 Cái
6	Forcep vi phẫu, thân tròn, mũi có lỗ, chiều dài toàn bộ 120 mm, đầu tip cỡ 0.3 mm	: 1 Cái
7	Forcep vi phẫu, thân tròn, mũi thẳng, chiều dài toàn bộ 120 mm, đầu tip cỡ 0.15 mm	: 1 Cái
8	Kìm kẹp kim phẫu thuật, thân tròn, mũi cong, chiều dài toàn bộ 180 mm, đầu kìm cỡ 0.2 mm	: 1 Cái
9	Kìm kẹp kim phẫu thuật, thân tròn, mũi cong, chiều dài toàn bộ 180 mm, đầu kìm cỡ 0.3 mm	: 1 Cái
III	YÊU CẦU KHÁC	

	- Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.
	- Cam kết cung cấp đầy đủ chứng chỉ chất lượng (CQ), xuất xứ (CO), các tài liệu chứng minh hàng hóa nhập khẩu hợp pháp (đối với hàng hóa nhập khẩu) hoặc giấy chứng nhận xuất xưởng đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam; các tài liệu khác tương đương chứng minh tư cách hợp lệ của hàng hóa (các giấy tờ, tài liệu để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác, số hiệu, chất lượng, tình trạng hàng hóa...), tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo quản thiết bị của hãng sản xuất kèm bản dịch tiếng Việt khi bàn giao.
	- Có các tài liệu chứng minh hàng hóa được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về việc quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế và Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của chính phủ, Thông tư 05/2022/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 01/8/2022 và các văn bản pháp luật khác liên quan còn hiệu lực.
	- Yêu cầu về bảo hành: + Thời hạn bảo hành: ≥ 365 ngày (không bao gồm vật tư tiêu hao thử máy) kể từ ngày bàn giao và nghiệm thu hàng hóa + Địa điểm bảo hành: tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức; + Thời hạn sửa chữa, thay thế: ≤ 14 ngày (kể từ ngày phát sinh lỗi) + Thời hạn có mặt tại đơn vị sử dụng để kiểm tra: ≤ 48 giờ (kể từ khi có thông báo)
	- Có cam kết 1 đổi 1 trong suốt thời gian bảo hành đối với các trường hợp sau: + Hàng hóa kiểm tra và thử nghiệm không phù hợp với đặc tính kỹ thuật đã chào thầu + Trường hợp hàng hóa bị lỗi, bị hỏng hoặc có các khuyết tật có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng, mà những lỗi đó thuộc về lỗi của nhà sản xuất hoặc lỗi của bên bán, hoặc khi có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền Cam kết đổi trả hàng hóa kém chất lượng, không đáp ứng yêu cầu trong thời gian 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư
	- Thời gian giao hàng: ≤ 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

2. Máy siêu âm doppler mạch cầm tay

I	Yêu cầu chung	
	- Năm sản xuất: 2025 trở đi	
	- Chất lượng:	
	+ Mới 100%	
	+ Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485	
	- Môi trường hoạt động:	
	+ Nhiệt độ tối đa: ≥ 30 độ C	
	+ Độ ẩm tối đa: $\geq 70\%$	
II	Yêu cầu cấu hình	Số lượng
	Máy siêu âm doppler mạch cầm tay kèm phụ kiện tiêu chuẩn	: 01 Cái
	Cấu hình tối thiểu gồm:	
	- Máy chính	: 01 Cái
	- Đầu dò mạch máu ngoài da	: 04 Cái
	- Đầu dò mạch máu dùng trong phẫu thuật	: 10 Cái
	- Pin	: 01 Bộ
	- Bộ sạc pin	: 01 Bộ
	- Túi đựng máy	: 01 Cái
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng, bảo quản thiết bị của hãng sản xuất và bản dịch tiếng Việt	: 01 bộ
III	Chỉ tiêu kỹ thuật cơ bản	
1	Tính năng chung:	
	- Máy siêu âm Doppler mạch cầm tay sử dụng để dò mạch máu ngoài da và dò mạch máu trong phẫu thuật vùng đầu mặt cổ.	
	- Có màn hình hiển thị	
	- Thiết bị có pin: Tổng thời gian sử dụng tối đa ≥ 4 tiếng khi sạc đầy	
2	Màn hình	
	Màn hình hiển thị tối thiểu các thông số sau:	
	+ Tốc độ dòng máu	
	+ Dạng sóng Doppler của dòng máu	
	+ Nhịp tim Doppler: Từ ≤ 60 đến ≥ 200 nhịp/phút	
	+ Mức độ Pin	

3	Đầu dò
	- Đầu dò mạch máu ngoài da tần số 8 MHz
	- Đầu dò mạch máu dùng trong phẫu thuật tần số 8MHz
IV	Yêu cầu khác:
	- Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.
	- Cam kết cung cấp đầy đủ chứng chỉ chất lượng (CQ), xuất xứ (CO), các tài liệu chứng minh hàng hóa nhập khẩu hợp pháp (đối với hàng hóa nhập khẩu) hoặc giấy chứng nhận xuất xưởng đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam; các tài liệu khác tương đương chứng minh tư cách hợp lệ của hàng hóa (các giấy tờ, tài liệu để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác, số hiệu, chất lượng, tình trạng hàng hóa...), tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo quản thiết bị của hãng sản xuất kèm bản dịch tiếng Việt khi bàn giao.
	- Có các tài liệu chứng minh hàng hóa được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về việc quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế và Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của chính phủ, Thông tư 05/2022/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 01/8/2022 và các văn bản pháp luật khác liên quan còn hiệu lực.
	- Có đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên để thực hiện dịch vụ sau bán hàng (lắp đặt, đào tạo, vận hành chạy thử, bảo hành, bảo trì)
	- Yêu cầu về bảo hành: + Thời hạn bảo hành: ≥ 365 ngày (không bao gồm vật tư tiêu hao thử máy) kể từ ngày bàn giao và nghiệm thu hàng hóa + Địa điểm bảo hành: tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức + Thời hạn sửa chữa, thay thế: ≤ 14 ngày (kể từ ngày phát sinh lỗi) + Thời hạn có mặt tại đơn vị sử dụng để kiểm tra: ≤ 48 giờ (kể từ khi có thông báo)
	- Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong thời gian ít nhất 05 năm sau bán hàng.
	- Có kế hoạch thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành. Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị miễn phí trong suốt thời gian bảo hành.
	- Thời gian giao hàng: ≤ 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

3. Kẹp mạch máu vi phẫu

I	YÊU CẦU CHUNG	
	- Chất lượng:	
	+ Mới 100%	
	+ Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485	
	- Chất liệu:	
	+ Thân kẹp làm bằng nhựa chuyên dùng trong y tế, tối thiểu bằng Polycarbonate	
	+ Thân nối làm bằng thép không gỉ, tối thiểu bằng Inox 304 hoặc Titanium	
	- Đóng gói tiệt trùng từng cái.	
	- Có loại kẹp dùng để kẹp riêng cho kẹp động mạch và kẹp tĩnh mạch, mỗi loại phân biệt được bằng màu sắc	
	- Với các thông số kỹ thuật, sai số $\pm \leq 10\%$	
II.	YÊU CẦU CẤU HÌNH	
	Kẹp mạch máu vi phẫu	: 150 cái
2.1	Kẹp mạch máu vi phẫu – Kẹp đơn	: 90 cái
	Kẹp mạch máu vi phẫu – Kẹp đơn dùng để kẹp tĩnh mạch	
	Kẹp mạch máu vi phẫu – Kẹp đơn dùng để kẹp động mạch	
2.2	Kẹp mạch máu vi phẫu – Kẹp đôi	: 60 cái
	Kẹp mạch máu vi phẫu – Kẹp đôi dùng để kẹp tĩnh mạch	
	Kẹp mạch máu vi phẫu – Kẹp đôi dùng để kẹp động mạch	
III	CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CƠ BẢN	
3.1	Kẹp mạch máu vi phẫu – Kẹp đơn dùng để kẹp tĩnh mạch	
	- Kẹp đơn cho tĩnh mạch có độ dày vành mạch từ ≤ 1 mm đến ≥ 2 mm	
	- Lực kẹp tối đa $\geq 0,2$ N	
	- Kích thước kẹp có chiều dài toàn bộ từ ≤ 14 mm đến ≥ 17 mm, chiều rộng từ $\leq 2,5$ mm đến ≥ 3 mm	
	- Ngàm có răng	
3.2	Kẹp mạch máu vi phẫu – Kẹp đơn dùng để kẹp động mạch	
	- Kẹp đơn cho động mạch có độ dày vành mạch từ ≤ 1 mm đến ≥ 2 mm	

	- Lực kẹp tối đa $\geq 0,3$ N	
	- Kích thước kẹp có chiều dài toàn bộ từ ≤ 14 mm đến ≥ 17 mm, chiều rộng từ $\leq 2,5$ mm đến ≥ 3 mm	
	- Ngàm có răng	
3.3	Kẹp mạch máu vi phẫu – Kẹp đôi dùng để kẹp tĩnh mạch	
	- Kẹp đơn cho tĩnh mạch có độ dày vành mạch từ ≤ 1 mm đến ≥ 2 mm	
	- Lực kẹp tối đa $\geq 0,2$ N	
	- Kích thước kẹp có chiều dài toàn bộ từ ≤ 14 mm đến ≥ 17 mm, chiều rộng từ $\leq 2,5$ mm đến ≥ 3 mm	
	- Khoảng cách giữa 2 miếng kẹp từ ≤ 7 mm đến ≥ 12 mm	
	- Ngàm có răng	
3.4	Kẹp mạch máu vi phẫu – Kẹp đôi dùng để kẹp động mạch	
	- Kẹp đơn cho động mạch có độ dày vành mạch từ ≤ 1 mm đến ≥ 2 mm	
	- Lực kẹp tối đa $\geq 0,3$ N	
	- Kích thước kẹp có chiều dài toàn bộ từ ≤ 14 mm đến ≥ 17 mm, chiều rộng từ $\leq 2,5$ mm đến ≥ 3 mm	
	- Khoảng cách giữa 2 miếng kẹp từ ≤ 7 mm đến ≥ 12 mm	
	- Ngàm có răng	
IV.	YÊU CẦU KHÁC	
	- Hàng hóa được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	
	- Cam kết cung cấp đầy đủ chứng chỉ chất lượng (CQ), xuất xứ (CO), tài liệu chứng minh tính hợp lệ và tài liệu chứng minh hàng hóa được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về việc quản lý trang thiết bị y tế, Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế và Nghị định số 04/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của chính phủ, tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo quản thiết bị kèm bản dịch tiếng Việt khi bàn giao khi bàn giao.	
	- Hạn sử dụng còn lại kể từ ngày giao hàng tối thiểu ≤ 12 tháng	

	- Có cam kết 1 đổi 1 trong suốt thời gian bảo hành đối với các trường hợp sau: + Hàng hóa kiểm tra và thử nghiệm không phù hợp với đặc tính kỹ thuật đã chào thầu + Trường hợp hàng hóa bị lỗi, bị hỏng hoặc có các khuyết tật có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng, mà những lỗi đó thuộc về lỗi của nhà sản xuất hoặc lỗi của bên bán, hoặc khi có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền + Cam kết đổi trả hàng hóa kém chất lượng, không đáp ứng yêu cầu trong thời gian 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư
	- Thời gian giao hàng: ≤ 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Ghi chú:

a. *Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị:*

- Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.
- Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị:
 - + Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng: Hàng hóa phải còn nguyên đai nguyên kiện. Nhà cung cấp phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu và khuyến cáo của nhà sản xuất để tránh hư hỏng trong quá trình vận chuyển đến địa điểm giao nhận cuối cùng (khoa, phòng).
 - + Nội dung bảo hiểm: Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo hiểm hàng hóa và các dịch vụ liên quan theo các quy định pháp luật hiện hành. Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.
 - + Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: Theo hợp đồng, Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng.

b. *Chất lượng hàng hóa và các yêu cầu khác:*

- Thiết bị phải mới 100%, bao gồm thiết bị chính, thiết bị phụ trợ (nếu có) và phụ kiện đi kèm theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

PHỤ LỤC 02: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số: 1542/VĐ-VTTBYT ngày 18 tháng 3 năm 2026)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ Khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá (chưa bao gồm thuế VAT) ⁽⁸⁾ (VND)	Đơn giá (đã bao gồm thuế VAT) ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A										
2	Thiết bị B										
n	...										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

Ghi chú: Yêu cầu các đơn vị ghi rõ giá trị thuế VAT cho từng thiết bị.

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày tháng năm [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày tháng năm [ghi ngày tháng năm kết thúc nhận báo giá phù hợp quy định].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng tiền Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.